

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13/12/2024

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Hưng

2. Bà Đinh Thị Đức

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Thành Công- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 12 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 290/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXX-ST ngày 27 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** **Chị Vương Thị H**, sinh năm 1997 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

+ **Bị đơn:** **Anh Ngô Đức Đ**, sinh năm 1998 (vắng mặt)

HKTT: Xóm Đ, xã A, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 7, K1, Trại giam P, Bộ C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vương Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Đức Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên vào năm 2019. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ của anh Đ. Tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, áp lực khó khăn về kinh tế gia đình do anh Đ chơi bời, đánh bạc và nợ nần rất nhiều. Bản thân chị đã phải đứng ra trả

nợ cho anh Đ nhiều lần nhưng anh Đ không thay đổi. Đến giữa năm 2022, anh Đ bị bắt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị xét xử với mức án 09 năm tù và hiện đang đi chấp hành án tại Trại giam P, Bộ C. Do một mình nuôi con nhỏ, gặp nhiều khó khăn về kinh tế nên chị đã chuyển về nhà bố mẹ để ở từ tháng 5/2022. Chị xác định mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống hôn nhân căng thẳng, áp lực, không thể tiếp tục kéo dài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Ngô Hải Y, sinh ngày 31/8/2020. Hiện cháu Y đang ở cùng chị và ông bà ngoại. Khi ly hôn, do anh Đ đang phải chấp hành án phạt tù nên chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn anh Ngô Đức Đ xác nhận các nội dung chị H trình bày về việc kết hôn, quá trình chung sống và tình trạng hôn nhân của vợ chồng là đúng. Anh Đ xác định thời gian đầu sau khi cưới thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì anh có chơi bời, cờ bạc, vi phạm pháp luật và không lo được chu toàn cho kinh tế gia đình. Tuy nhiên anh vẫn quan tâm đến vợ con. Về mâu thuẫn vợ chồng là có nhưng theo anh là chưa quá gay gắt. Bản thân anh là người có lỗi trong mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị H nên anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh Đ xác định vợ chồng có một con chung như chị H trình bày. Hiện cháu Y đang ở cùng mẹ và ông bà ngoại. Trường hợp phải ly hôn, anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi anh chấp hành xong hình phạt tù. Về cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ cũng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại buổi hòa giải, anh Đ đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh vì hiện nay anh đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam P, không thể đến Tòa án để giải quyết vụ án được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều: 28, 35, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều: 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án

phí, lệ phí: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vương Thị H, cho chị H được ly hôn anh Ngô Đức Đ. Về con chung: Giao con chung Ngô Hải Y, sinh ngày 31/8/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, không giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] **Về tố tụng:** Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong vụ án này, bị đơn anh Ngô Đức Đ có hộ khẩu thường trú tại xã A, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn anh Ngô Đức Đ hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam P, Bộ C và đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Ngô Đức Đ.

[2.] Về nội dung:

Chị Vương Thị H và anh Ngô Đức Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND xã A, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân: Căn cứ lời khai của các bên đương sự, có cơ sở xác định: Chị H và anh Đ sau khi kết hôn đã chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm lẫn nhau. Các đương sự đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh Đ không quan tâm gia đình, mãi mê chơi bời, cờ bạc, nợ nần nhiều, sau đó anh Đ còn vi phạm pháp luật và hiện đang phải chấp hành án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành, chị H vẫn cương quyết xin ly hôn, anh Đ không đồng ý với lý do mâu thuẫn chưa gay gắt. Hội đồng xét xử thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

“ 1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”.

...

Điều 56: Ly hôn theo yêu cầu của một bên

“ 1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho

hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”

Trong trường hợp này, từ khi anh Đ chưa vi phạm pháp luật và chưa phải đi chấp hành án, vợ chồng đã không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh Đ nhận thức được nguyên nhân gây nên mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ chính bản thân mình và đã được chị H độ lượng, khắc phục nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi, không đặt hạnh phúc gia đình lên hàng đầu mà chỉ mãi mê theo đuổi lối sống cá nhân khiến cho tình trạng hôn nhân ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh Đ theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; ý kiến của anh Đ về việc mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng là không có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Chị H và anh Đ có 01 con chung là Ngô Hải Y, sinh ngày 31/8/2020. Cháu Y hiện đang ở với mẹ và ông bà ngoại. Chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Y, anh Đ cũng đồng ý để chị H nuôi dưỡng con trong trường hợp vợ chồng phải ly hôn.

Xét thấy, hiện nay cháu Y còn nhỏ tuổi, cháu đang sinh sống ổn định cùng với mẹ và gia đình bên ngoại. Anh Đ đang phải chấp hành án phạt tù, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Vì vậy, việc chị H đề nghị được nuôi con là có căn cứ chấp nhận. Giao con chung Ngô Hải Y cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn, trong quá trình nuôi dưỡng con, các đương sự có quyền thỏa thuận hoặc khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc về việc cấp dưỡng nuôi con khi thấy cần thiết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên toà về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; các điều: 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vương Thị H đối với anh Ngô Đức Đ.

1. Quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị H được ly hôn anh Ngô Đức Đ.

2. Về con chung: Chị Vương Thị H và anh Ngô Đức Đ có 01 con chung là Ngô Hải Y, sinh ngày 31/8/2020. Giao con chung Ngô Hải Y cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có.

4. Án phí: Chị Vương Thị H chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005537 ngày 13/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Chị Vương Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ngô Đức Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- TAND tỉnh TN;
- VKSND H. Đại Từ;
- Chi cục THADS H. Đại Từ;
- Các đương sự;
- UBND xã An Kháng, H.Đại Từ, TN;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị An